TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06- 01 -2026
Vv: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Duy Thịnh và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – H tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/ 01/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 347 /2025/TLST-HNGĐ ngày 18/ 11/2025 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/ 12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2025. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đinh G**, sinh năm 1947.
Địa chỉ: Kiệt 1, thôn Quá Giáng , phường Hòa X, thành phố Đ.
Căn cước công dân số: 048047001621; Cấp ngày 12/09/2022.
Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1955.
Địa chỉ: Thôn 3, xã Tây Ph, Thành phố H.
Căn cước công dân số: 001155032295; cấp ngày 10/07/2021.
Ông G và bà Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 15/ 07/2025, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh G và bà Nguyễn Thị Th tìm hiểu tự nguyện và cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng ngày 23/ 10/2024, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình

thường đến tháng 7/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh là do quan điểm sống không phù hợp, dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ đó đến nay hai người sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông G yêu cầu Tòa án khu vực 10 - H giải quyết cho ông Giảng được Ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Ông Đinh G và bà Nguyễn Thị Th không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Ông Đinh G và bà Nguyễn Thị Th không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh G tìm hiểu tự nguyện và đến UBND xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Năng đăng ký kết hôn ngày 13/10/2024, sau kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng nhau tại Đà Nẵng, quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc đến khi bà Thành có việc về Hà Nội và ngày 25/7/2025 bà Th về Đà Nẵng bà Thành phát hiện ra ông G có quan hệ với người con gái khác, bà Thành có đơn ra Công an để giải quyết việc ông Giảng ngoại tình, Công an Đà Nẵng có gọi bà vào giải quyết nhưng bà Th bị ốm nên không vào giải quyết được và cùng ngày 25/7/2025 bà Thành bỏ về quê sống từ đó đến nay hai người sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông G có đơn xin ly hôn bà Th, bà Th đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Th và ông G không có con chung nên không cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Bà Th và ông G không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy ra sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho ông G được ly hôn bà Th; Về con chung, tài sản chung không có và không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 10- H thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Toà án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết nơi bị đơn cư trú ở xã Tây Ph, thành phố H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; thông báo mở phiên họp, công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn có đủ căn cứ xác định:

-*Về hôn nhân*: Ông Đinh G và bà Nguyễn Thị Th tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng ngày 23/ 10/ 2024. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính cách không hòa thuận bà Thành bỏ về quê ở xã Tây Phương, thành phố Hà Nội sống từ tháng 7/2025 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, thương yêu nhau nữa, điều này chứng tỏ tỉnh cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và tại biên bản ghi lời khai bà Thành đồng ý ly hôn. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của ông G. Ông Đinh G được ly hôn bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Ông Đinh G và bà Nguyễn Thị Th khẳng định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết,

[3] -*Về tài sản chung, công sức, công nợ:* Ông Đinh G và bà Nguyễn Thị Th không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009. Ông G và bà Th không chịu nộp án phí Ly hôn sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57 và 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Xử:

1- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Đinh G. Ông Đình G được ly hôn bà Nguyễn Thị Th.

2- Về con chung: Ông Đinh G và bà Nguyễn Thị Th không có con chung.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ông Đinh G và bà Nguyễn Thị Th không có tài sản chung, công sức, công nợ.

4 -Về án phí: Ông Đinh G là người cao tuổi nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Hoàn trả lại ông Đinh G 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002103 ngày 27/ 8/2025 nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5 - Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKS KV 10;
- Phòng THADS KV 10;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Kiều Văn Thành